

Bản án số: **73/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 16/5/2023

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết T**

Các Thẩm phán: **Bà Bùi Thị Thu Hồng**

Ông Nguyễn Đức Lập

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Hồng Nhung**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên

Ngày 16/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 65/2023/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm số 128/2023/HNGĐ-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2023/QĐXX-PT ngày 27/4/2023, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị Hồng D, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đội 10, xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Đan Thê, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, Hà Nội.

NỘI D V VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:**

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội ngày 04/11/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về ở với nhau ngay và sống tại nhà mẹ anh T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời không quan tâm đến gia đình, chị có khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, sau đó chị còn phát hiện ra anh T có mối quan hệ với người khác. Từ tháng 4 năm 2019 thì vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân hai bên không liên lạc không quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 19/9/2015 và cháu Nguyễn B, sinh ngày 02/11/2017. Hiện nay cháu Linh đang sống với chị, cháu Bảo đang sống với mẹ chồng chị. Chị D đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện nay chị D đang làm công nhân tại Công ty Meiko Thạch Thất, thu nhập 8.000.000đ/tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình T: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2023 Công an xã Sơn Đà cho biết anh Nguyễn Đình T, sinh năm: 1994 có hộ khẩu thường trú tại đội 3, thôn Đan Thê, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, anh T đi đâu làm gì chúng tôi không biết, thỉnh thoảng anh T có về nhà vài ngày rồi lại đi luôn.

Tại buổi làm việc với trưởng thôn Đan Thê ông Nguyễn Việt Tuấn cho biết: Chị D và anh T kết hôn và về ở với nhau từ năm 2013 và sống tại nhà anh T tại đội 3, thôn Đan Thê, xã Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội. Trong quá trình chung sống chị D và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Bản thân anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Theo ông Tuấn thì anh T có nghiện ma túy, không có công ăn việc làm ổn định. Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn L và cháu Nguyễn B. Hiện nay chị D và anh T làm công việc lao động tự do. Chị D có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bản thân anh T nghiện ma túy, để đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng con, tôi đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị D nuôi dưỡng để các cháu được học hành và nuôi dưỡng tốt hơn. Về tài sản chung: Chị D và anh T không có. Về nợ chung: Chị D và anh T không nợ ai

Tại Bản án số 128/2023/HNGĐ-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Hà Nội đã xử và quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 39, Điều 147; 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 25 và khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Hồng D đối với anh Nguyễn Đình T.

Cho chị Dương Thị Hồng D được ly hôn anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn L, sinh ngày 19/9/2015 và cháu Nguyễn B, sinh ngày 02/11/2017. Giao cho chị Dương Thị Hồng D được nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình T cho đến khi chị D có yêu cầu hoặc có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Đình T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: chưa giải quyết.

Ngày 03/04/2023, anh Nguyễn Đình T kháng cáo đề nghị giao hai con chung cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Anh Nguyễn Đình T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn B, sinh ngày 02/11/2017 và chị Dương Thị Hồng D chăm, sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn L, sinh ngày 19/9/2015, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn nên chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội D: Tại phiên tòa các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đề nghị hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo nên được chấp nhận đưa ra xét xử phúc thẩm.

Về nội D: Tại phiên tòa các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó sửa Bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Sửa một phần Bản án 128/2023/HNGĐ-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, Hà Nội và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Giao anh Nguyễn Đình T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn B, sinh ngày 02/11/2017 và chị Dương Thị Hồng D chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn L, sinh ngày 19/9/2015. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tạm hoãn việc

cấp dưỡng nuôi con cho các bên cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Đình T và chị Dương Thị Hồng D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại anh Nguyễn Đình T số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 60904 ngày 04/04/23 tại Chi cục thi hành án huyện V, Hà Nội.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

